TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1225/2023/DS-PT
Ngày: 21/12/2023
V/v hủy hợp đồng nhận nợ,
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Nam Hưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2023/TLPT-DS ngày 20/11/2023 về việc "Hủy hợp đồng nhận nợ, tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 390/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5761/2023/QĐ-PT ngày 04/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: B7 Khu dân cư S, L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số A đường P, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Mỹ Kiều L, sinh năm 1994 (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2023 số công chứng 001444 tại văn phòng C1) (có mặt).

Địa chỉ: 2 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số A đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 1 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:

Ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị X kết hôn năm 1995 đến ngày 07 tháng 11 năm 2018, hai người đã ly hôn theo quyết định số 1675/2018/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp. Từ năm 2014 đến năm 2019 bà X có đi vay nợ nhiều người, theo giấy tường trình ngày 09/01/2019 tại Công an phường A, quận G, ông T có chụp ảnh cung cấp trong hồ sơ vụ án, trong đó bà X có vay bà Đỗ Thị C 02 lần tổng cộng 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) với lãi suất 18%/ tháng. Vào lúc 20 giờ 00 ngày 09/06/2020 bà H, dì ruột của bà X cùng bà T1 em gái của bà X đã đến nhà ông T và cho biết số tiền bà X nợ bà C là 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng), không phải là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng) như bà X đã khai báo, buộc gia đình đứng ra trả nợ cho bà X. Lúc 14 giờ 30 phút ngày 10/06/2020 ông T và bà H đến phòng trọ của bà C, bà C đưa cho ông T xem 02 tờ giấy vay tiền của bà X, mỗi tờ ghi vay 3.000.000.000 đồng, tổng cộng là 6.000.000.000 đồng và nói nếu gia đình trả thay thì giảm cho 50% nhưng ông T nói số tiền quá lớn, gia đình ông không có khả năng trả, và đề nghị bà Công báo công an. Sau đó, bà C tiếp tục giảm số nợ còn 1.000.000.000 đồng, bà H nói với ông T đứng ra nhận trả thay, rồi bà H sẽ hỗ trợ thêm. Do nể nang và nghĩ tình nghĩa với bà X và gia đình bà H, ông T đã đồng ý viết giấy nhận nợ với nội dung thay bà X trả 1.000.000.000 đồng vào cuối tháng 12 âm lịch năm 2020. Vài ngày sau bà C liên tục nhắn tin đòi nợ ông T đe dọa nếu không trả thì ông và các con sẽ sống không yên ổn, tạo cho ông T rất nhiều áp lực tinh thần và tiền bạc. Có một lần bà C gọi ông T đến phòng trọ rồi gọi cho gần 10 người giang hồ đi xe ô tô đến uy hiếp ông T buộc ông phải hẹn đến ngày nào trả hết. Mấy ngày sau bà H có hỗ trợ cho ông T 100.000.000 đồng trả cho bà C, sau vài tháng ông T vay mượn và trả được 300.000.000 đồng. Tổng cộng ông Nguyễn Minh T đã trả cho bà Đỗ Thị C 400.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng. Đến nay ông T không có khả năng trả nợ, thu nhập chính nhờ vào tiền lương hưu trí hàng tháng để nuôi bản thân ông cùng 2 con ăn học nên không trả nợ cho bà C. Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án Hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020 với nội dung ông Nguyễn Minh T trả nợ thay cho bà Hoàng Thị X được ký với bà Đỗ Thị D (Đỗ Thị C); yêu cầu bà C trả lại cho ông T 400.000.000 đồng. Tại phiên Tòa ông T chỉ yêu cầu Tòa án hủy giấy nhận nợ

ngày 10/6/2020, không yêu cầu bà C trả lại số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Phía bị đơn bà Đỗ Thị C và đại diện ủy quyền của bà Công trình b trong đơn yêu cầu phản tố ngày 05/4/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Do tin tưởng vợ chồng ông Nguyễn Minh T và bà Hoàng Thị X nên bà C đã vay hộ cho bà X số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng) theo giấy biên nhận ngày 01/03/2018 và giấy vay tiền ngày 20/08/2018 để bà X kinh doanh. Sau khi vay vợ chồng ông T, bà X không trả lãi và gốc đúng hẹn, nên bà C đã phải bán nhà của mình để thanh toán các khoản nợ mà bà đã vay hộ vợ chồng ông T, bà X. Ngày 10/06/2020 do áp lực phải có tiền sớm để trả nợ cho những người khác và sự nài nỉ của ông T nên bà C đã đồng ý để ông Nguyễn Minh T trả nợ thay bà Hoàng Thị X, số tiền phải trả là 1.000.000.000 đồng vào cuối tháng 12 âm lịch năm 2020 (Giấy nhận nợ ngày 10/06/2020). Tuy nhiên từ ngày nhận nợ cho đến nay ông T chỉ trả cho bà C 400.000.000 đồng, mặc dù bà C đã nhiều lần yêu cầu ông T trả số tiền 600.000.000 đồng còn nợ nhưng ông T lại cố tình tránh né, không trả. Nay bà C có yêu cầu phản tố, bà C không đồng ý hủy giấy nhận nợ, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Nguyễn Minh T tiếp tục trả cho bà Đỗ Thị C số tiền còn lại là 600.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2023 theo lãi suất cơ bản của ngân hàng N công bố 9%/năm, thời gian tính từ ngày 24/01/2021 tức là ngày 01/01 Âm lịch 2021 theo cam kết thời hạn trả là hết tháng 12 âm lịch năm 2020 đến ngày 08/09/2023 (31 tháng 16 ngày) bà C tự nguyện làm tròn tính lãi 31 tháng là 139.500.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 739.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X đã được Tòa án tống đạt niêm yết hợp lệ để đến Tòa ghi bản tự khai, tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà X vẫn vắng mặt do đó Tòa án không tiến hành ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án dân sự số 390/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 370, Điều 373, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T với bị đơn bà Đỗ Thị C (tên thường gọi Đỗ Thị D) về việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu hủy giấy nhận nợ ghi ngày 10/6/2020.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Minh T đòi lại số tiền 400.000.000 đồng đã trả cho bà Đỗ Thị C (tên thường gọi Đỗ Thị D).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị C (Đỗ Thị D) đối với ông Nguyễn Minh T. Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả một lần cho bà Đỗ Thị C (Đỗ Thị D) số tiền cả gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 600.000.000 đồng theo mức lãi suất 9%/năm, thời gian tính từ ngày 24/01/2021 (tức là ngày 01/01 Âm lịch 2021 theo cam kết) đến ngày 08/09/2023 (31 tháng 16 ngày) làm tròn 31 tháng là: 139.500.000 đồng. Tổng cộng 739.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Nguyễn Minh T khai bà H hỗ trợ ông để trả cho bà Đỗ Thị C (bà D) sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng ông Nguyễn Minh T nhận thay bà Hoàng Thị X trả nợ cho bà Đỗ Thị C (bà Đỗ Thị D) theo giấy nhận nợ ngày 10/6/2020, sau này có phát sinh tranh chấp giữa ông T và bà X sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí: Do bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí là 300.000 đồng đối với yêu cầu hủy giấy nhận nợ không được chấp nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, bà C được xét miễn tạm ứng án phí do bà là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí tạm nộp. Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí là 33.580.000 đồng, nhưng ông T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) ông T đã đóng tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0011845 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông T còn phải nộp tổng cộng hai khoản án phí là 23.880.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm. Bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên yêu cầu phản tố và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Nguyên đơn và người có quyền và nghĩa vụ liên quan đề nghị chuyển giao nghĩa vụ trả nợ lại cho bà Hoàng Thị X về số tiền còn nợ theo Giấy nhận nợ ngày 10/6/2020.

Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự không bổ sung chứng cứ mới.

Nguyên đơn, người kháng cáo trình bày: Tại đơn khởi kiện ông Nguyễn Minh T yêu cầu Tòa án Hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020 với nội dung ông Nguyễn Minh T trả nợ thay cho bà Hoàng Thị X được ký với bà Đỗ Thị D (Đỗ Thị C); yêu cầu bà C trả lại cho ông T 400.000.000 đồng. Tại phiên Tòa sơ thẩm, ông T chỉ yêu cầu Tòa án hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020, không yêu cầu bà C trả lại số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Ông T không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Do hiện tại, ông đã nghỉ hưu làm thêm nuôi hai con, thu nhập không đủ trang trải cho gia đình nên không có điều kiện trả nợ thay cho bà X. Khi ký Giấy nợ thay cho bà X là do ông nể nang tình nghĩa và bị đơn yêu cầu nên mới ký. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020 đề nghị chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoàng Thị X.

Bà Nguyễn Mỹ Kiều L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bà Đỗ Thị C vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý hủy giấy nhận nợ, yêu cầu ông Nguyễn Minh T tiếp tục trả cho bà C số tiền còn lại là 600.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 08/9/2023 theo lãi suất cơ bản của ngân hàng N công bố 9%/năm, thời gian tính từ ngày 24/01/2021 tức là ngày 01/01 Âm lịch 2021 theo cam kết thời hạn trả là hết tháng 12 âm lịch năm 2020 đến ngày 08/09/2023 (31 tháng 16 ngày) bà C tự nguyện làm tròn tính lãi 31 tháng là 139.500.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 739.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Người có quyền nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X trình bày: Bà xác nhận bà có nợ của bà C 6.000.000.000 đồng theo 02 Giấy nợ tháng 3/2018 và tháng 8/2018. Do không có điều kiện trả nợ nên bà C đã nhiều lần giảm nợ cho bà từ 6.000.000.000 đồng xuống còn 3.000.000.000 đồng, tiếp đến là còn 2.000.000.000 đồng rồi giảm xuống còn 1.000.000.000 đồng nhưng bà vẫn không có khả năng trả nợ. Sau đó, ông T đứng ra nhận thay khoản nợ 1.000.000.000 đồng của bà C và bà C đồng ý xóa khoản nợ 6.000.000.000 đồng trước đó. Khi ký giấy nhận nợ của ông T không bà tham gia nhưng trong quá trình ông T trả dần 400.000.000 đồng thì bà có biết. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Minh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo trong thời hạn qui định của pháp luật

Về nội dung: Việc ký chuyển giao nợ là phù hợp pháp luật. Ông T đã thực hiện một phần nghĩa vụ theo Giấy nhận nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà X đề nghị chuyển giao nghĩa vụ cho bà X nhưng không được bà C đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông T theo quy định tại Điều 270 Bộ Luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 08/9/202319, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tuyên bản án số 390/2023/DS-ST. Ngày 18/9/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của đương sự là trong thời hạn qui định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Minh T khởi kiện bà Đỗ Thị C về hủy giấy nhận nợ, đòi lại tài sản. Phía bà Đỗ Thị C có yêu cầu phản tố yêu cầu ông T tiếp tục trả nợ theo giấy nhận nợ ngày 10/6/2020. Bà C cư ngụ tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Xác định người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều xác nhận bà Đỗ Thị C còn có tên thường gọi khác là Đỗ Thị D. Do đó, có cơ sở xác định bà Đỗ Thị C bà Đỗ Thị D là một người.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn sửa một phần bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện hủy giấy nhận nợ do ông ghi ngày 10/6/2020. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ lời trình bày thống nhất của các đương sự tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án gồm: Giấy nhận mượn tiền ngày 1/8/2018; Giấy vay tiền ngày 20/8/2018 của bà Hoàng Thị X; phù hợp giấy nhận nợ trả thay bà X của ông Nguyễn Minh T ngày 10/6/2020 và những tài liệu chứng cứ khác; có cơ sở xác định bà Hoàng Thị X có vay của bà Đỗ Thị C tổng

số tiền 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng). Do bà X thiếu nợ nhiều người không có khả năng chi trả nên ngày 10/06/2020 ông Nguyễn Minh T đứng ra viết giấy nhận nợ để trả nợ thay cho bà Hoàng Thị X. Nội dung giấy nhận nợ ghi ngày 10/6/2020 thể hiện: "*Tôi Nguyễn Minh T nhận trả nợ 1.000.000.000 đồng thay cho bà X, hẹn đến cuối tháng 12/2020 (âm lịch) ông T có trách nhiệm trả cho bà D (bà C) số tiền trên là bà X không còn khoản nợ nào của bà D (bà C) nữa*.". Bà C đã giao trả lại cho ông T 02 tờ giấy mượn tiền ngày 1/8/2018 và 20/8/2018 do bà X ghi nợ của bà mỗi giấy 3.000.000.000 đồng tổng cộng là 6.000.000.000 (Sáu tỷ) đồng. Quá trình thực hiện giấy nhận nợ ghi ngày 10/6/2020 ông T đã trả cho bà C số tiền 400.000.000 đồng. Do không còn khả năng trả nợ nên ông T khởi kiện ra Tòa, yêu cầu tòa án hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020 và buộc bà C trả lại số tiền 400.000.000 đồng ông đã trả cho bà C,

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với yêu cầu đòi bà C trả lại số tiền 400.000.000 đồng. Xét việc ông T rút một phần yêu cầu đòi 400.000.000 đồng là do tự nguyện. Cấp sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu của ông Nguyễn Minh T đòi lại số tiền 400.000.000 đồng đã trả cho bà Đỗ Thị C là có căn cứ, đúng pháp luật theo qui định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu của ông C về việc tòa án hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020: Theo Quyết định thuận tình ly hôn số 1675/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thì Ông T ly hôn với bà X từ ngày 07/11/2018. Về phần tài sản chung và nợ chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo ông Nguyễn Minh T trình bày ngày 09/01/2019 bà Hoàng Thị X có làm bản tường trình tại Công an phường E, quận G, trong đó có khai khoản nợ của bà Đỗ Thị C từ tháng 4 và tháng 7 năm 2018 nhưng ông không biết gì về khoản nợ này.

Có cơ sở xác định bà X vay nợ của bà C trong thời kỳ hôn nhân với ông T. Tuy ông T cho rằng mình không biết gì về khoản nợ của bà C, nhưng thực tế sau khi biết việc bà X mượn nợ của bà C thì ông T đã tự nguyện viết giấy nhận nợ đồng ý thay bà X trả nợ cho bà C. Phía bà C cũng đã tự nguyện giảm các khoản nợ của bà X và chốt số tiền nợ là 1.000.000.000 đồng theo nội dung ghi trong Giấy nhận nợ của ông T: "*Tôi đồng ý nhận 01 tỷ đồng chẵn là hết các khoản nợ chị X nợ tôi"*. Ông T cam kết thời hạn trả nợ cho bà C là cuối tháng 12/2020. Như vậy, nghĩa vụ trả nợ của bà X đã được bà C đồng ý chuyển giao cho ông T. Thực tế, ông T đã thực hiện theo Giấy nhận nợ và đã trả cho bà Đỗ Thị C được 400.000.000 đồng.

Xét quan điểm của ông T cho rằng do điều kiện sức khỏe và thu nhập kém, không có điều kiện trả nợ theo cam kết nhận nợ ngày 10/6/2020 là không chính đáng vì đây không phải là căn cứ miễn trách nhiệm dân sự. Cấp sơ thẩm Căn cứ Điều 357, Điều 370, Điều 373, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu của ông T về hủy giấy nhận nợ ngày 10/6/2020 với bà C là phù hợp.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, bà X thừa nhận quá trình ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà và bà biết nhưng không có ý kiến và xác định phần nợ này thuộc trách nhiện trả của ông T. Đối với các khoản nợ của những người khác, bà cũng đã nhờ người thân trả nợ dần dần. Như vậy, mặc dù bà X không tham gia giao dịch chuyển sang nghĩa vụ tại thời điểm xác nhận nợ giữa ông T và bà C nhưng bà biết và không phản đối việc ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà. Thực tế ông T đã trả được cho bà C số tiền 400.000.000 đồng. Do đó, việc chuyển giao nghĩa vụ đã được thực hiện xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X và ông T đề nghị được nhận lại khoản nợ này nhưng phía bà C không đồng ý. Do việc chuyển giao nghĩa vụ của các bên không được thống nhất nên không có cơ sở xem xét theo quy định tại Điều 270 Bộ luật dân sự.

[2.2] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh buộc ông Nguyễn Minh T tiếp tục trả cho bà Đỗ Thị C một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng và T2 lãi chậm trả của số tiền 600.000.000 đồng theo lãi suất cơ bản của ngân hàng N công bố 9%/năm, thời gian tính từ ngày 24/01/2021 tức là ngày 01/01 Âm lịch năm 2021 theo cam kết thời hạn trả là hết tháng 12 âm lịch năm 2020 đến ngày 08/09/2023 (31 tháng 16 ngày), phía bà C tự nguyện tính làm tròn 31 tháng là 139.500.000 đồng. Tổng cộng 739.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng). Do hai bên không thỏa thuận lãi suất, phía bị đơn yêu cầu tính mức lãi suất 9%/năm là thấp hơn so với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì có lợi cho nguyên đơn nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 370, Điều 373 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn là đúng pháp luật.

[3] Cấp sơ thẩm nhận định đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Nguyễn Minh T khai bà H hỗ trợ ông để trả cho bà Đỗ Thị C do đây là sự thỏa thuận riêng giữa ông T, bà H, bà X và số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng ông Nguyễn Minh T nhận thay bà Hoàng Thị X trả nợ cho bà Đỗ Thị C theo giấy nhận nợ ngày 10/6/2020. Do các bên không tranh chấp trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Từ những phân tích trên và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của số 390/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy giấy nhận nợ không được chấp nhận là 300.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi theo giấy nhận nợ ngày 10/6/2020, yêu cầu này của bị đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.580.000 đồng.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Minh T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được cấn trừ theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012368 ngày 25/9/2023. Ông Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của số 390/2023/DS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T với bị đơn bà Đỗ Thị C về việc ông Nguyễn Minh T yêu cầu hủy giấy nhận nợ ghi ngày 10/6/2020.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Minh T đòi lại số tiền 400.000.000 đồng đã trả cho bà Đỗ Thị C.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị C đối với ông Nguyễn Minh T. Buộc ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm trả một lần cho bà Đỗ Thị C số tiền cả gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền 600.000.000 đồng theo mức lãi suất 9%/năm, thời gian tính từ ngày 24/01/2021 (tức là ngày 01/01 Âm lịch 2021 theo cam kết) đến ngày 08/09/2023 (31 tháng 16 ngày) làm tròn 31 tháng là: 139.500.000 đồng. Tổng cộng 739.500.000 đồng (Bảy trăm ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 09/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà ông Nguyễn Minh T khai bà H hỗ trợ ông để trả cho bà Đỗ Thị C sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng ông Nguyễn Minh T nhận thay bà Hoàng Thị X trả nợ cho bà Đỗ Thị C theo giấy nhận nợ ngày 10/6/2020, sau này có phát sinh tranh chấp giữa ông T và bà X sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí là 33.580.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) ông T đã đóng tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0011845 ngày 25/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông Nguyễn Minh T còn phải nộp tổng cộng hai khoản án phí là 23.580.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng nhưng được cấn trừ theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0012368 ngày 25/9/2023. Ông Nguyễn Minh T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THA DS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/21).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương